

BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN TỈNH ỦY CAO BẰNG

**NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN
BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH
ĐẢNG BỘ TỈNH CAO BẰNG KHÓA XIX TRÌNH TẠI
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH CAO BẰNG
LẦN THỨ XX, NHIỆM KỲ 2025 - 2030**

(Tài liệu học tập dùng cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở)



LỜI NÓI ĐẦU

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX là sự kiện chính trị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, diễn ra vào thời điểm toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang nỗ lực thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, vững bước tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm, đánh giá sâu sắc, toàn diện kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025; xác định tầm nhìn, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cho nhiệm kỳ 2025 - 2030 và những năm tiếp theo; thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng; kiểm điểm công tác lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX và bầu đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Chủ đề của Đại hội là: **Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ và cả hệ thống chính trị; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, chung sức, đồng lòng, đổi mới, sáng tạo; khai thác hiệu quả tiềm năng lợi thế, tạo đột phá, xây dựng tỉnh Cao Bằng phát triển nhanh, bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân.** Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt Đại hội XX là: **Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển.**

Thực hiện Kế hoạch số 416-KH/TU, ngày 22/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Cao Bằng về thực hiện Đề

án số 04-ĐA/TU, ngày 29/9/2021 của Tỉnh uỷ về “Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng giai đoạn 2021 - 2025” năm 2025; Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ Cao Bằng biên soạn và xuất bản cuốn tài liệu *“Những nội dung cơ bản Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng khóa XIX trình tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030”* (Tài liệu học tập dùng cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở).

Tài liệu được biên soạn ngắn gọn, trình bày những nội dung cơ bản của Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng khóa XIX trình tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 phục vụ công tác tuyên truyền và thực hiện ở cấp cơ sở. Tài liệu được tuyên truyền rộng rãi trong cán bộ, đảng viên, Nhân dân trong tỉnh.

Xin trân trọng giới thiệu.

Tháng 10 năm 2025

BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN TỈNH ỦY CAO BẰNG

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIX, NHIỆM KỲ 2020 - 2025

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIX

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, tình hình thế giới, trong nước có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp, đại dịch COVID-19 gây hậu quả nghiêm trọng, kéo dài, ảnh hưởng toàn diện đến mọi mặt đời sống, kinh tế - xã hội toàn cầu... Trong bối cảnh đó, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, quyết tâm vượt khó, tranh thủ thời cơ, kiên trì đổi mới, từng bước đưa các chủ trương của Đảng vào cuộc sống và đạt được nhiều thành tựu quan trọng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, cụ thể:

1. Phát triển kinh tế

1.1. Kinh tế có bước phát triển, quy mô nền kinh tế của tỉnh và thu nhập của người dân ngày càng tăng lên.

Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 4,46%/năm. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tích cực, trong đó khu vực dịch vụ tiếp tục mở rộng, chiếm tỉ trọng chủ đạo. Quy mô nền kinh tế được nâng lên đáng kể. GRDP theo giá hiện hành năm 2025 ước đạt 28.618 tỉ đồng, chiếm 0,22% tổng GDP, gấp 1,5 lần quy mô kinh tế năm 2020. GRDP bình quân đầu người năm 2025 đạt 50,73 triệu đồng, tăng gấp 1,4 lần so với năm 2020, đạt 40,58% bình quân cả nước và bằng 67,2% so với khu vực Trung du và miền núi phía Bắc.

1.2. Nông nghiệp giữ vai trò trụ đỡ, chuyển dần sang sản xuất hàng hóa và bền vững. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 2,97%/năm; cơ cấu nội ngành chuyển dịch theo hướng tăng dần tỉ trọng chăn nuôi, lâm nghiệp và dịch vụ nông nghiệp. Các vùng sản xuất chuyên canh, ứng dụng công nghệ, sản phẩm đạt chuẩn VietGAP, hữu cơ... từng bước hình thành. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) phát huy hiệu quả rõ nét. Chăn nuôi chuyển dần sang hình thức tập trung, liên kết và ứng dụng công nghệ cao; di dời gia súc ra khỏi gầm sàn nhà ở được thực hiện quyết liệt. Tỉ lệ che phủ rừng duy trì ở mức 55,06%. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai tích cực, diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới. Đến tháng 6/2025 (trước thời điểm thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã), toàn tỉnh có 06 xã duy trì 19 tiêu chí theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, đạt khoảng 12% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội.

1.3. Công nghiệp - thương mại - dịch vụ có bước tăng trưởng, định hình được vai trò mới của kinh tế cửa khẩu. Công nghiệp có bước phát triển rõ nét, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 8,87%/năm; nhiều dự án chế biến khoáng sản, nhà máy thủy điện được hoàn thành và đưa vào vận hành. Thương mại, dịch vụ phục hồi nhanh, tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 11,95%/năm. Hệ sinh thái thương mại điện tử bước đầu hình thành. Hạ tầng dịch vụ được cải thiện. Kinh tế cửa khẩu có bước phát triển nổi bật: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt trên 4,4 tỉ USD; thu ngân sách từ cửa khẩu chiếm 46% tổng thu toàn tỉnh. Việc nâng cấp, mở mới các cặp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu song phương mở ra

không gian kết nối mới với Trung Quốc và các nước ASEAN, định vị lại vai trò chiến lược của Cao Bằng trong hành lang kinh tế và logistics khu vực.

1.4. Du lịch có khởi sắc, từng bước chuyển từ tiềm năng sang phát triển thực chất, dần trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Lượng khách du lịch ước đạt 7,8 triệu lượt người, tăng trên 50%; tổng thu từ khách du lịch ước đạt 5.500 tỉ đồng, tăng gấp 03 lần so với nhiệm kỳ trước. Các tuyến, điểm du lịch được đầu tư kết nối; các sản phẩm du lịch cộng đồng, trải nghiệm, sinh thái ngày càng đa dạng. Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng tiếp tục được khai thác hiệu quả; phối hợp với nước bạn Trung Quốc hoàn thành giai đoạn thí điểm và đưa vào vận hành chính thức Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc).

1.5. Hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư mạnh, mở rộng không gian phát triển. Giai đoạn 2021 - 2025, đã bố trí 21.640 tỉ đồng từ đầu tư công cho giao thông, du lịch, đô thị, hạ tầng số. Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được hoàn thành. Tuyến đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) được tích cực triển khai và quyết tâm thông tuyến ngay trong năm 2025, kỳ vọng trở thành đột phá về kết nối vùng, mở rộng không gian phát triển. Các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh, liên huyện được cải tạo, nâng cấp; tỉ lệ xã có đường nhựa hóa đến trung tâm đạt 99,4%. Hạ tầng đô thị được chỉnh trang, tỉ lệ đô thị hóa đạt 25,5%. Hạ tầng cửa khẩu, du lịch và chuyển đổi số được đầu tư đồng bộ, tạo nền tảng cho chính quyền số, kinh tế số.

1.6. Quản lý tài chính - ngân sách có chuyển biến tích cực, cơ cấu chi được cải thiện. Tổng thu ngân sách

giai đoạn 2021 - 2025 đạt 13.942 tỉ đồng, tăng bình quân 22,58%/năm, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội. Cơ cấu chi chuyển dịch theo hướng tích cực, chi đầu tư tăng từ 28% lên 32,5%, chi thường xuyên giảm dần từ 72% xuống dưới 67,5%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 51.358 tỉ đồng, tốc độ tăng bình quân giai đoạn đạt 4,94%. Hệ thống tín dụng, ngân hàng phát triển ổn định, đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh và an sinh xã hội.

1.7. Môi trường đầu tư tiếp tục được cải thiện, các thành phần kinh tế phát triển cả về quy mô và chất lượng hoạt động. Toàn tỉnh có 244 dự án với tổng vốn đăng ký trên 32.300 tỉ đồng. Trong nhiệm kỳ, cấp mới 38 dự án với tổng vốn đăng ký 5.296 tỉ đồng; thành lập mới 753 doanh nghiệp, nâng tổng số doanh nghiệp lên 2.292, tăng 48,93% so với nhiệm kỳ trước. Kinh tế hợp tác có sự chuyển biến tích cực, hợp tác xã tăng gần 30%, giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động.

1.8. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu được tăng cường. Công tác quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước được chấn chỉnh kịp thời và ngày càng đi vào nền nếp. Các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng cơ bản được xử lý dứt điểm. Tỷ lệ xử lý chất thải rắn đô thị đạt 92,60%; tỉ lệ dân cư đô thị được sử dụng nước sạch đạt 91%; tỉ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95%.

2. Văn hoá - xã hội

2.1. Giáo dục - đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng từng bước được nâng cao. Tiếp tục thực hiện

đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, gắn với yêu cầu phát triển nhân lực trong giai đoạn chuyển đổi số. Mạng lưới trường, lớp học tiếp tục được rà soát, sắp xếp lại, cơ bản phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Toàn tỉnh có 514 cơ sở giáo dục, 194 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt trên 133% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội. Chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học tiếp tục được duy trì; giáo dục vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm. Giáo dục STEM, Robotics được đẩy mạnh và đạt thành tích cao ở giải quốc gia, quốc tế; giáo dục mũi nhọn có bước đột phá với 102 giải quốc gia, quốc tế.

2.2. Y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân có nhiều tiến bộ, năng lực phòng, chống dịch bệnh được nâng cao.

Điểm nổi bật của nhiệm kỳ là tỉnh đã kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, trở thành điểm sáng toàn quốc về phòng, chống dịch. Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng cao. Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ đạt 81,6%; tỷ lệ xã, phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã đạt 94,4%, vượt 19,4 điểm % mục tiêu Nghị quyết Đại hội. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 98,7%. Chất lượng dân số có cải thiện, tuổi thọ trung bình đạt 72,7 tuổi; cân bằng giới tính được duy trì; tầm vóc, thể lực người dân cải thiện rõ rệt. Chi phí thanh toán dịch vụ y tế ngoài tỉnh là 29% trên tổng chi phí khám, chữa bệnh BHYT.

2.3. Văn hóa, thể thao tiếp tục phát triển, di sản được bảo tồn, chuyển đổi số tạo nền tảng cho văn hóa số.

Nhiều sự kiện văn hóa lớn được tổ chức thành công, tạo hiệu ứng lan tỏa trong nước và quốc tế. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai thực chất. Tỉnh có thêm 12 di tích lịch sử - văn hóa được

xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh; 10 di sản được đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia. Hệ thống nhà văn hóa, thiết chế thể thao tiếp tục được đầu tư, tỉ lệ khu dân cư có nhà văn hóa đáp ứng nhu cầu sử dụng đạt gần 60%. Thể thao thành tích cao đạt nhiều kết quả tích cực. Hoạt động truyền thông, chuyển đổi số, dữ liệu số trong lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều bước tiến mới, tạo nền tảng cho phát triển văn hóa số.

2.4. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nhiều tiến bộ, chuyển từ nghiên cứu sang ứng dụng thực tiễn. Trong nhiệm kỳ có 93 nhiệm vụ khoa học công nghệ được triển khai. Hạ tầng và cơ chế hỗ trợ hệ sinh thái đổi mới sáng tạo từng bước hình thành. Công tác chuyển đổi số được đẩy mạnh thực hiện tổng thể, toàn diện trên cả 3 trụ cột chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; 100% cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính quyền các cấp đã triển khai hoạt động trên nền tảng công nghệ thông tin. Hạ tầng bưu chính, viễn thông được mở rộng, chất lượng dịch vụ được nâng cao.

2.5. An sinh xã hội được bảo đảm, giảm nghèo đạt kết quả rõ nét; công tác dân tộc, tôn giáo triển khai đồng bộ, hiệu quả. Tỉnh đã đào tạo nghề cho hơn 30.300 lao động, nâng tỉ lệ lao động qua đào tạo lên 51,2%, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội. Hỗ trợ tạo việc làm cho 43.160 người, giảm tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống 3%; tỉ lệ hộ nghèo giảm bình quân 4,24%/năm, đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội; trên 19.000 hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ nhà ở từ Chương trình thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát. Các hoạt động tôn giáo diễn ra ổn định, đúng pháp luật; khối đại đoàn kết dân tộc, tôn giáo được củng cố vững chắc.

3. Quốc phòng - an ninh, đối ngoại

3.1. Củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia.

Tập trung chỉ đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, gắn chặt với thế trận an ninh nhân dân và khu vực phòng thủ vững chắc; nâng cao năng lực phòng thủ từ tỉnh đến cơ sở, phát huy hiệu quả kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh. Lực lượng vũ trang được xây dựng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, là lực lượng nòng cốt trong phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu hộ - cứu nạn, xử lý các tình huống phức tạp về an ninh. Tình hình biên giới được giữ vững ổn định; tổ chức thành công Giao lưu hữu nghị Quốc phòng biên giới Việt Nam - Trung Quốc lần thứ 07.

3.2. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội ngay từ cơ sở. Công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội tiếp tục được tăng cường với tinh thần chủ động, quyết liệt và đồng bộ. Lực lượng Công an của tỉnh được xây dựng có tổ chức chặt chẽ, lực lượng tinh gọn, hiệu quả. Xử lý hiệu quả nhiều vụ án, chuyên án lớn, đặc biệt nghiêm trọng, tỉ lệ điều tra khám phá án đạt cao, trong đó án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt gần 100%; xóa bỏ hoàn toàn hoạt động của tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh trên địa bàn tỉnh. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được triển khai sâu rộng, gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế và giữ gìn ổn định từ cơ sở; từng bước hình thành thế trận an ninh nhân dân vững chắc, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và Nhân dân.

3.3. Mở rộng đối ngoại, hội nhập quốc tế hiệu quả, ngày càng đi vào chiều sâu, thiết thực. Hoạt động đối

ngoại dựa trên 03 nền tảng trụ cột: Đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Nhân dân ngày càng đi vào chiều sâu. Quan hệ hợp tác truyền thống giữa Cao Bằng và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) tiếp tục được củng cố, mở rộng. Đưa vào vận hành chính thức Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc); nâng cấp các cặp cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) - Long Bang (Trung Quốc), Tà Lùng (Việt Nam) - Thủy Khẩu (Trung Quốc) (bao gồm các lối thông quan Nhà Đổng (Việt Nam) - Nhà Ráy (Trung Quốc); cầu Tà Lùng II (Việt Nam) - Thủy Khẩu (Trung Quốc)) thành cửa khẩu quốc tế; ký kết 51 văn bản, thỏa thuận quốc tế. Tỉnh đăng cai thành công Hội nghị quốc tế lần thứ 8 của Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương năm 2024. Hằng năm, thu hút từ 25 dự án viện trợ phi chính phủ với giá trị cam kết từ 1,5 - 3 triệu USD.

4. Công tác xây dựng Đảng

4.1. Công tác chính trị, tư tưởng có nhiều đổi mới, tạo thống nhất trong các cấp ủy đảng và đồng thuận trong Nhân dân, bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị và gắn chặt với thực tiễn phát triển địa phương. Việc học tập, quán triệt, triển khai các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng được tổ chức kịp thời, với tỉ lệ cán bộ, đảng viên tham gia đạt trên 95%. Thực hiện nghiêm túc Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị gắn với Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được tăng cường trên không gian mạng, đấu tranh hiệu quả với các quan điểm sai trái, phản động. Các hoạt

động tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, biên soạn lịch sử Đảng được quan tâm đầu tư, đạt kết quả nổi bật.

4.2. Công tác xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ được triển khai mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ. Triển khai quyết liệt, đồng bộ chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, nhận được sự đồng thuận cao của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Các tổ chức Đảng tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo và được sắp xếp, kiện toàn phù hợp, đồng bộ với tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt trên 90%. Trong nhiệm kỳ, kết nạp 9.149 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên của Đảng bộ tỉnh lên 63.568 đảng viên (chiếm khoảng 11,3% dân số toàn tỉnh); rà soát, đưa ra khỏi Đảng 292 trường hợp.

4.3. Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng được tăng cường, thực thi, kỷ luật nghiêm minh. Hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng được ban hành đầy đủ, bảo đảm đồng bộ và kịp thời. Việc phối hợp giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc trong kiểm tra, giám sát và xử lý sai phạm được tăng cường, bảo đảm nguyên tắc, kỷ cương và tính răn đe. Công tác thi hành kỷ luật Đảng được thực hiện nghiêm minh, nhất quán, không có vùng cấm, góp phần cảnh tỉnh, răn đe và nâng cao năng lực tự chỉnh đốn của tổ chức đảng.

4.4. Công tác dân vận được phát huy, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, tạo chuyển biến về tư duy và hành động trong cả hệ thống

chính trị. Phát huy tốt vai trò nòng cốt của đội ngũ người có uy tín trong tham gia tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tích cực nắm tình hình cơ sở, kịp thời phát hiện và đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động tôn giáo trái pháp luật; xây dựng và duy trì 10.295 mô hình “Dân vận khéo” trên các lĩnh vực của đời sống, xã hội; thực hiện nghiêm túc, thường xuyên hoạt động đối thoại giữa người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp với Nhân dân, góp phần tạo sự đồng thuận, củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng.

4.5. Công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp được đẩy mạnh, góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Lãnh đạo xử lý kịp thời các vấn đề liên quan đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, biên giới, công tác kiểm soát phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại. Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh hoạt động hiệu quả, chỉ đạo xử lý dứt điểm các vụ án, vụ việc nghiêm trọng, phức tạp thuộc diện theo dõi, chỉ đạo. Tỷ lệ thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án tham nhũng, kinh tế đạt gần 83%. Các văn bản quy phạm pháp luật được rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời. Công tác thanh tra tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, tiềm ẩn rủi ro, nâng cao hiệu quả phòng ngừa, phát hiện và xử lý các sai phạm. Cải cách tư pháp được đẩy mạnh; tỉ lệ án bị huỷ, sửa giảm 85,3% so với năm đầu nhiệm kỳ. Hoạt động tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo có chuyển biến tích cực.

5. Hoạt động của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

5.1. Hệ thống chính quyền các cấp có nhiều đổi mới; kỷ luật, kỷ cương hành chính, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tích cực tham gia xây dựng pháp luật, phản ánh nguyện vọng cử tri đến với Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành Trung ương; tổ chức tiếp xúc, giám sát chuyên đề được cử tri đánh giá cao. Hội đồng nhân dân các cấp đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; tổ chức kỳ họp, chất vấn, tiếp xúc cử tri đúng quy định; ban hành nghị quyết phù hợp thực tiễn, góp phần cụ thể hoá chủ trương, chính sách và mục tiêu phát triển của địa phương. Ủy ban nhân dân các cấp chủ động, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, tập trung các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm; thực hiện hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh cải cách hành chính, phân cấp, chuyển đổi số và xây dựng chính quyền điện tử.

5.2. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng được phát huy, góp phần tăng cường khối đoàn kết toàn dân tộc. Tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng được sắp xếp lại đảm bảo tinh gọn, hoạt động thống nhất, hiệu quả. Vai trò đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân tiếp tục được phát huy mạnh mẽ. Chủ động tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền; thực hiện giám sát, phản biện xã hội theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động được triển khai tích cực, gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị, tạo sự lan toả trong Nhân dân, góp phần tăng cường khối đoàn kết toàn

dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị ở địa phương.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được và nguyên nhân

1.1. Kết quả đạt được

Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã nỗ lực, đoàn kết, phát huy nội lực, tranh thủ hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để thực hiện thắng lợi nhiều mục tiêu, nhiệm vụ. Có 12/18 chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đạt và vượt kế hoạch. Kinh tế duy trì đà tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tích cực; hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư, mở rộng không gian phát triển mang tính chiến lược cho tỉnh trong giai đoạn tới. An sinh xã hội được bảo đảm, giảm nghèo đạt kết quả rõ nét. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ biên giới quốc gia. Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng.

Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị có nhiều chuyển biến tích cực; việc nghiên cứu, quán triệt, triển khai cụ thể hóa các nghị quyết, kết luận của Trung ương phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương được tiến hành nghiêm túc. Hoàn thành sớm việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế của hệ thống chính trị bảo đảm tinh gọn, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Hệ thống chính trị và Nhân dân trong tỉnh thống nhất, đồng thuận cao trong việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục được phát huy, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo

đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh.

1.2. Nguyên nhân của kết quả đạt được

1.2.1. Nguyên nhân khách quan: Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước sau 40 năm đổi mới đã tạo nền tảng và động lực mạnh mẽ cho các địa phương, trong đó có tỉnh Cao Bằng. Chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước tiếp tục được hoàn thiện theo hướng ổn định, thống nhất, tăng cường phân cấp, phân quyền và kịp thời tháo gỡ khó khăn cho cơ sở. Tỉnh luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát và kịp thời của Trung ương, sự phối hợp, hỗ trợ của các bộ, ngành, địa phương bạn và cộng đồng doanh nghiệp trong cả nước.

1.2.2. Nguyên nhân chủ quan: Sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ, hệ thống chính trị, đồng thuận trong xã hội là nền tảng cốt lõi. Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã thể hiện rõ vai trò hạt nhân lãnh đạo, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, bám sát thực tiễn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các chương trình, đề án lớn mang tính định hướng chiến lược. Cả hệ thống chính trị vào cuộc đồng bộ, thống nhất, hướng mạnh về cơ sở; đội ngũ cán bộ từng bước được rèn luyện, thử thách qua thực tiễn. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh phát huy truyền thống cội nguồn cách mạng, lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, nỗ lực vượt khó vươn lên xây dựng quê hương ngày càng đổi mới và phát triển.

2. Hạn chế và nguyên nhân

2.1. Hạn chế

(1) *Phát triển kinh tế*: Tăng trưởng kinh tế còn thiếu tính bền vững, nội lực kinh tế còn yếu, chưa hình thành các động lực phát triển dài hạn. Cơ cấu kinh tế nhỏ lẻ, manh mún; liên kết ngành, vùng, thị trường thiếu chặt chẽ. Sản xuất nông nghiệp chưa hình thành được chuỗi liên kết, chuỗi giá trị trong sản xuất; công nghiệp chế biến và dịch vụ chất lượng cao phát triển chậm; phát triển du lịch chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Tăng trưởng vẫn chủ yếu dựa vào đầu tư công, chưa phát huy được vai trò động lực của khu vực kinh tế tư nhân. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; giao thông vùng nông thôn, nhất là tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới còn là điểm nghẽn kéo dài; hạ tầng số thiếu đồng bộ.

(2) *Văn hóa - xã hội*: Lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế có mặt còn bất cập, thiếu trụ cột đảm bảo phát triển con người. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo nhân lực chất lượng cao chưa gắn với nhu cầu sử dụng. Chất lượng dịch vụ y tế chưa đồng đều. Đầu tư tu bổ, phát huy giá trị di sản văn hóa còn hạn chế. Tỷ lệ hộ nghèo vùng sâu, vùng xa còn cao, nguy cơ tái nghèo lớn. Cán bộ cơ sở và người dân còn thiếu kỹ năng số; ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số còn chậm.

(3) *Quốc phòng - an ninh, đối ngoại*: Tình hình an ninh trật tự trên tuyến biên giới, an ninh vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Công tác cải cách tư pháp, giải quyết khiếu nại tố cáo có

nơi còn chậm, thiếu dứt điểm. Hoạt động đối ngoại tuy được mở rộng nhưng hiệu quả thực chất của các thỏa thuận hợp tác còn hạn chế.

(4) *Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị*: Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thật sự tiên phong, gương mẫu. Chất lượng sinh hoạt chi bộ ở một số nơi còn hình thức, hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng chưa cao; việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thiếu chiều sâu. Chất lượng công tác kiểm tra, giám sát có mặt còn hạn chế. Năng lực lãnh đạo, điều hành ở một số cấp uỷ, chính quyền cơ sở còn hạn chế. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa đổi mới, hoạt động chưa sát thực tiễn; hiệu lực hệ thống chính trị chưa đồng đều. Các chỉ số PCI, PAPI, PAR-Index, SIPAS còn thấp, thủ tục hành chính còn rườm rà. Một bộ phận cán bộ, công chức còn tư tưởng an toàn, thiếu kỹ năng, chưa thích ứng chuyển đổi số. Tình trạng “chảy máu chất xám”, di cư lao động và tâm lý “bị bỏ lại phía sau” làm giảm niềm tin, khát vọng vươn lên, ảnh hưởng đến phát triển bền vững.

2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

2.2.1. *Nguyên nhân khách quan*: Cao Bằng là tỉnh miền núi, biên giới, kinh tế nhỏ, dân cư phân tán, điều kiện tự nhiên và hạ tầng, nhất là giao thông, còn hạn chế. Đại dịch COVID-19, thiên tai, biến đổi khí hậu, đặc biệt cơn bão số 3 năm 2024, cùng biến động kinh tế, giá cả trong và ngoài nước ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và đời sống Nhân dân. Cạnh tranh thu hút đầu tư gay gắt trong khi tỉnh chưa có nhiều lợi thế so sánh nổi

bật. Chính sách, pháp luật trong một số lĩnh vực còn thiếu đồng bộ, chậm sửa đổi; nguồn lực hỗ trợ từ Trung ương hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh.

2.2.2. *Nguyên nhân chủ quan*: Những điểm nghẽn phát triển của tỉnh đã được nhận diện nhưng chậm tháo gỡ. Việc cụ thể hóa, thực hiện cơ chế, chính sách còn hạn chế; công tác chiến lược, đánh giá tiềm năng, dự báo chưa sát thực tiễn. Một số cấp uỷ, chính quyền chưa quyết liệt đổi mới, phối hợp giải quyết thủ tục hành chính chưa hiệu quả. Đào tạo lao động kỹ thuật, thu hút đầu tư, huy động nguồn lực chưa có bước đột phá; thiếu cơ chế hiệu quả. Khát vọng vươn lên, tinh thần đổi mới, tự lực, tự cường trong một bộ phận cán bộ và Nhân dân chưa mạnh mẽ.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Một là, giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện, tập trung, thống nhất của Đảng trong toàn bộ quá trình phát triển; kịp thời cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương thành chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh miền núi, biên giới. Kiên trì nguyên tắc nhưng linh hoạt trong tổ chức thực hiện, gắn với xác định đúng trọng tâm, khâu đột phá, tháo gỡ điểm nghẽn, phát huy tiềm năng, lợi thế, tạo chuyển biến rõ nét, thiết thực.

Hai là, phát huy vai trò của Nhân dân là trung tâm, chủ thể, đồng thời là động lực và mục tiêu của quá trình phát triển. Tăng cường củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sự đồng thuận xã hội, khơi dậy tinh thần đổi mới, tự lực, tự cường, ý chí khát vọng vươn lên. Kết hợp

hài hòa giữa nội lực và ngoại lực; tích cực huy động, tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ của Trung ương, các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Ba là, đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành sát cơ sở, thực tiễn, quyết liệt, hiệu quả; chuyển mạnh từ tư duy quản lý, kiểm soát sang phục vụ, kiến tạo; đề cao tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số; thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi và kiểm soát quyền lực ở cơ sở.

Bốn là, xây dựng quy hoạch, định hướng phát triển gắn với đặc thù địa phương, có tầm nhìn dài hạn, phù hợp tiềm năng, thế mạnh từng vùng, lĩnh vực. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường, quốc phòng - an ninh và an sinh xã hội. Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là cán bộ, lao động kỹ thuật, nhân lực công nghệ thông tin; có chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài gắn bó với tỉnh.

Năm là, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đề cao trách nhiệm nêu gương, nhất là người đứng đầu; thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, qua đó góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Quy hoạch, chiến lược phát triển tỉnh phải đi trước, khả thi, linh hoạt, bền vững và gắn kết với chiến lược phát triển quốc gia, quy hoạch vùng, ngành. Khai thác lợi thế vị trí địa - kinh tế, địa - chính trị, cửa ngõ quốc tế với Trung Quốc để huy động đầu tư, tạo đột phá, lan tỏa phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển kinh tế kết hợp chặt chẽ với củng cố quốc phòng, an ninh, quản lý, bảo vệ biên giới ổn định, hợp tác với Trung Quốc. Bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng, tiến bộ xã hội, môi trường, quốc phòng - an ninh và bản sắc văn hóa. Lựa chọn đúng nhiệm vụ đột phá, tập trung lãnh đạo, phân bổ nguồn lực, thực hiện quyết liệt, tích lũy nội lực cho tăng trưởng bền vững.

2. Xây dựng hệ thống chính trị liên chính, pháp quyền, hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục củng cố, sắp xếp tổ chức Đảng và bộ máy chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, gắn kết chặt chẽ giữa cải cách hành chính với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Tăng cường kiểm tra, giám sát, giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ. Phát huy dân chủ cơ sở, vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng chính quyền phục vụ Nhân dân.

3. Con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực chủ yếu, đồng thời là động lực và mục tiêu của phát triển. Tập trung nâng cao chất lượng nhân lực; tạo điều kiện để

người dân, nhất là thế hệ trẻ, tiếp cận cơ hội phát triển bền vững. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần tự lực, tự cường, dám nghĩ, dám làm, khởi nghiệp và sáng tạo trong các tầng lớp nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, góp phần tạo nền tảng để tỉnh phát triển nhanh và bền vững, rút ngắn khoảng cách với cả nước.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; khai thác tối đa lợi thế đặc thù, huy động mọi nguồn lực đầu tư cho các ngành kinh tế mũi nhọn, nhất là kinh tế cửa khẩu, du lịch, tạo đột phá trong giai đoạn phát triển mới; phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức khá so với các tỉnh trong khu vực Trung du và miền núi phía Bắc. Quan tâm an sinh xã hội, giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; mở rộng hợp tác đối ngoại, bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia; xây dựng Cao Bằng phát triển nhanh, bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu 5 năm 2025 - 2030

- Về kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt 10%/năm trở lên; GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt từ 75 - 80 triệu đồng/người/năm.

(2) Đến năm 2030, cơ cấu GRDP: Khu vực dịch vụ và công nghiệp chiếm trên 80%, nông lâm nghiệp dưới 15%.

(3) Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 12%/năm.

(4) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tăng bình quân 11%/năm.

(5) Đến năm 2030, đóng góp của kinh tế số trong GRDP đạt tối thiểu 20%, trong đó kinh tế số nền tảng chiếm từ 7 - 10%.

- Về văn hóa - xã hội

(6) Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân trên 3%/năm.

(7) Đến năm 2030, tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt trên 39,62% (21/53 xã); trên 50% số xã, phường không ma túy và đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

(8) Phấn đấu đến năm 2030, giảm ít nhất 40% số điểm trường lẻ; bảo đảm trên 80% số xã có trường bán trú hoặc nội trú; 100% xã biên giới có trường phổ thông nội trú liên cấp. Xây dựng mới 01 Bệnh viện Đa khoa tuyến tỉnh quy mô 500 giường, có khả năng nâng cấp lên 1.000 giường sau năm 2030, được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và nguồn nhân lực. Đồng thời, giảm ít nhất 30% chi phí thanh toán dịch vụ y tế ngoài tỉnh thông qua việc nâng cao chất lượng hệ thống y tế địa phương, tăng cường niềm tin và khả năng tiếp cận dịch vụ y tế ngay tại cơ sở.

(9) Đến năm 2030 có trên 90% xã trên địa bàn tỉnh đạt mức Chỉ số Hạnh phúc người dân (CB-HPI) từ 90 điểm trở lên, phản ánh mức sống hài lòng và bền vững, bảo đảm phát triển bao trùm về an sinh, cơ hội, văn hoá, niềm tin.

- Về chuyển đổi số, cải cách hành chính

(10) Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 90%; tỷ lệ cơ sở dữ liệu chuyên ngành kết nối, xác thực với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư qua nền tảng số đạt 100%.

(11) Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), chỉ số chuyển đổi số (DTI) nằm trong nhóm 25 tỉnh, thành phố trên cả nước.

- Về công tác xây dựng Đảng

(12) Tỷ lệ tổ chức đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt 80% trở lên; kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt từ 1.500 - 1.600 đảng viên.

3. Các chương trình trọng tâm, nội dung đột phá giai đoạn 2025 - 2030

3.1. Các chương trình trọng tâm

(1) *Chương trình phát triển du lịch bền vững giai đoạn 2025 - 2030:* Ưu tiên phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, có hạ tầng hiện đại, thân thiện môi trường, gắn với các khu kinh tế cửa khẩu và khu du lịch. Tập trung vào các sản phẩm du lịch đặc thù: Du lịch địa chất gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng, lịch sử - văn hóa, cộng đồng, nông nghiệp, sinh thái và nghỉ dưỡng núi. Huy động nguồn lực đầu tư vào thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc), các khu du lịch trọng điểm, nghỉ dưỡng cao cấp, phát triển hạ tầng, dịch vụ chất lượng cao. Đẩy mạnh quảng bá, xây dựng thương hiệu, phát triển nguồn nhân lực du lịch; phấn đấu đến 2030, du lịch trở thành ngành đột phá, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động bền vững.

(2) Chương trình bảo vệ và khai thác hiệu quả kinh tế rừng giai đoạn 2025 - 2030: Tập trung phát triển kinh tế rừng bền vững gắn với bảo vệ hệ sinh thái; hình thành vùng trồng quế, hồi, dược liệu quý; phát triển chăn nuôi đại gia súc bán tự nhiên; xây dựng nhà máy tinh dầu, chế biến dược liệu; ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao giá trị sản phẩm nông - lâm nghiệp đặc hữu.

(3) Chương trình phát triển kinh tế cửa khẩu giai đoạn 2025 - 2030: Tập trung khai thác hiệu quả tiềm năng tuyến vành đai biên giới, phát triển kinh tế biên mậu gắn với quốc phòng, an ninh. Đẩy nhanh hoàn thiện, nâng cấp cửa khẩu, lối thông quan, đường chuyên dụng, lối mở biên giới; vận hành hiệu quả các cửa khẩu quốc tế, đặc biệt là Cửa khẩu quốc tế Trà Lĩnh; xây dựng mô hình cửa khẩu số, cửa khẩu thông minh thúc đẩy thương mại, logistics, du lịch. Phân đầu đưa Cao Bằng thành trung tâm giao thương kết nối Việt Nam với Trung Quốc và ASEAN. Chủ động quảng bá quy hoạch, thu hút đầu tư chất lượng cao; tăng cường liên kết vùng, mở rộng hạ tầng giao thông, hình thành trục động lực thương mại - du lịch khu vực Trung du và miền núi phía Bắc.

3.2. Các nội dung đột phá

(1) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và nguồn nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2025 - 2030: Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có bản lĩnh, đạo đức, chuyên môn và tư duy đổi mới, đáp ứng yêu cầu phát triển. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có tay nghề, kỹ thuật, công nghệ phục vụ các ngành kinh tế trọng điểm. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã phát

triển, thúc đẩy khởi nghiệp, tạo việc làm; có chính sách thu hút, đãi ngộ và khơi dậy khát vọng cống hiến.

(2) *Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị và môi trường giai đoạn 2025 - 2030*: Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng giao thông chiến lược, kết nối liên vùng và các đầu mối kinh tế quốc gia; hoàn thành cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh, Bắc Kạn - Cao Bằng và các tuyến nối cao tốc với cửa khẩu, trung tâm tỉnh, khu di tích, thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc). Phát triển đô thị đồng bộ, xanh, sạch, hiện đại; nâng cao hạ tầng bảo vệ môi trường với công trình xử lý chất thải, thoát nước, cơ sở hỏa táng, kè chống sạt lở. Tạo đột phá hạ tầng, nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư, phát triển bền vững.

(3) *Thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025 - 2030*: Xác định khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chiến lược cho tăng trưởng bền vững. Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích ứng dụng công nghệ, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo. Phát triển hạ tầng số hiện đại, số hóa dữ liệu đất đai, dân cư, hộ tịch; chia sẻ dữ liệu phục vụ điều hành. Phát triển chính quyền số, công dân số, kinh tế số; nâng cao cải cách hành chính, dịch vụ công; gắn chuyển đổi số với xây dựng chính quyền hiện đại, phục vụ, hướng tới “Chính quyền kiến tạo vì hạnh phúc Nhân dân”.

III. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TỈNH CAO BẰNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Phát triển kinh tế nội sinh, khơi dậy nội lực địa phương, xây dựng nền kinh tế tự chủ, bền vững. Chuyển

đổi tăng trưởng từ phụ thuộc đầu tư công sang kinh tế cộng đồng, phát huy nội lực tại chỗ. Phát triển kinh tế theo 4 trụ cột: nông - lâm - dược liệu; du lịch di sản - cộng đồng; kinh tế cửa khẩu; công nghiệp khai khoáng có kiểm soát. Hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp nông thôn, doanh nghiệp bản địa, nâng cao năng lực cạnh tranh.

2. Bảo đảm công bằng xã hội, lấy con người làm trung tâm của phát triển. Ưu tiên đầu tư giáo dục, y tế để thu hẹp khoảng cách, bảo đảm an sinh bền vững. Nâng cao chất lượng giáo dục vùng khó, đầu tư trường bán trú, nội trú, dạy tiếng dân tộc, đổi mới theo hướng STEM. Phát triển y tế cơ sở về đội ngũ, thuốc, thiết bị, hồ sơ sức khỏe điện tử; tăng cường tiếp cận cho nhóm yếu thế qua hỗ trợ chi phí, y tế lưu động. Phát triển con người toàn diện là mục tiêu xuyên suốt.

3. Đột phá thể chế, xây dựng chính quyền kiến tạo, phục vụ, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển từ điều hành sang phục vụ, quản lý sang kiến tạo. Phát triển chính quyền số công khai, minh bạch, hiệu quả. Phân cấp, phân quyền gắn với nguồn lực và trách nhiệm cá nhân; xây dựng đội ngũ cán bộ gần dân, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Đơn giản hóa thủ tục, nâng cao hiệu lực quản lý, cải thiện môi trường đầu tư, tháo gỡ điểm nghẽn cơ chế. Huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực, tăng trách nhiệm giải trình, kiểm tra, giám sát. Khắc phục chồng chéo, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

4. Tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường sống và phát triển bền vững. Quản lý, giám sát chặt chẽ khai thác khoáng sản; phát triển kinh tế tuần hoàn, công nghiệp

sạch, bảo vệ rừng và đa dạng sinh học. Ứng dụng công nghệ giám sát, lập quỹ bảo vệ môi trường; phát triển xử lý rác, nước thải tại cộng đồng; xây dựng văn hóa sống xanh. Bảo vệ môi trường là điều kiện cho phát triển bền vững và giữ gìn bản sắc địa phương.

5. Phát triển văn hóa đậm đà bản sắc, nâng cao đời sống tinh thần Nhân dân, tạo sức mạnh mềm và nguồn lực nội sinh cho phát triển. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc thiểu số; loại bỏ hủ tục, giữ gìn nét tích cực trong đời sống hiện đại. Gắn văn hóa với du lịch, giáo dục, truyền thông, kinh tế sáng tạo. Mỗi làng bản trở thành không gian trải nghiệm văn hóa sống; mỗi sản phẩm OCOP là đại diện sinh động cho bản sắc địa phương. Hình thành hệ sinh thái văn hóa gắn với tự hào và phục hồi cộng đồng.

6. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; xây dựng lực lượng quân đội, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, bảo vệ chủ quyền và an ninh biên giới. Giữ vững an ninh cơ sở, phát huy vai trò công an xã, xây dựng thể trận an ninh nhân dân gắn với lòng dân. Phối hợp kiểm soát hiệu quả nguy cơ an ninh truyền thống, phi truyền thống; lồng ghép bảo đảm an ninh với phát triển an sinh, sinh kế, hạ tầng, văn hóa vùng khó. Quản lý tôn giáo, đấu tranh với hành vi lợi dụng dân tộc, tôn giáo; phát huy truyền thống và văn hóa trở thành “lực lượng an ninh mềm”, củng cố niềm tin và ổn định xã hội.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh tế: Gồm 08 nhóm nhiệm vụ và giải pháp.

1.1. Phát triển nông, lâm nghiệp bền vững gắn với chuyển dịch lao động nông thôn và xây dựng nông thôn mới đặc thù vùng cao. Tập trung phát triển nông, lâm nghiệp sinh thái, hữu cơ, đa giá trị gắn với chuỗi chế biến, tiêu thụ bền vững; thực hiện hiệu quả Chương trình trọng tâm về bảo vệ và khai thác hiệu quả kinh tế rừng giai đoạn 2026 - 2030. Ưu tiên vùng nguyên liệu quế, hồi, dược liệu; phát triển chăn nuôi gia súc bản địa an toàn sinh học, hình thành chuỗi sản phẩm đặc sản “Cao Bằng xanh”. Ứng dụng khoa học, công nghệ số vào sản xuất, xây dựng nông nghiệp thông minh. Phát triển vùng sản xuất hàng hóa lợi thế; tăng cường đào tạo nghề, hình thành nông dân thế hệ mới có kỹ năng và sinh kế bền vững. Tiếp tục xây dựng nông thôn mới gắn văn hóa dân tộc, lấy người dân làm trung tâm, tạo chuyển biến rõ nét về đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn.

1.2. Phát triển công nghiệp có chọn lọc, gắn với thế mạnh khoáng sản và dược liệu bản địa, bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng và bảo vệ môi trường. Tập trung phát triển công nghiệp chế biến sâu khoáng sản kim loại màu bằng công nghệ thân thiện môi trường, hình thành chuỗi chế biến nông - lâm - dược liệu. Khuyến khích đầu tư năng lượng tái tạo, nhất là điện mặt trời tại các khu vực vùng cao, biên giới. Hình thành cụm công nghiệp xanh tại các vùng động lực. Rà soát, xử lý nghiêm dự án chậm tiến độ, gây ô nhiễm.

1.3. Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ gắn với kinh tế cửa khẩu, dịch vụ logistics và thương mại điện tử xuyên biên giới. Phát triển thương mại, dịch vụ gắn với các tỉnh lân cận; khai thác hiệu quả thị trường Quảng Tây (Trung Quốc); ưu tiên hạ tầng thương mại - logistics tại

các trục trọng điểm Phục Hòa - Trà Lĩnh - Thục Phán - Nùng Trí Cao và Hạ Lang - Tà Lùng - Lũng Nặm; thành lập trung tâm giao thương số kết nối vùng nguyên liệu lớn, xây dựng chuỗi cung ứng nông - lâm - thủy sản xuất khẩu qua cửa khẩu tỉnh Cao Bằng. Đột phá chính sách thương mại cửa khẩu, xây dựng cửa khẩu thông minh, hệ sinh thái thương mại điện tử, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm qua các sàn số nội địa và quốc tế.

1.4. Phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn theo hướng bản địa, sinh thái và trải nghiệm văn hóa - địa chất độc đáo. Chuyển từ tư duy “làm du lịch” sang “làm kinh tế từ du lịch”; xây dựng sản phẩm gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng, di sản lịch sử, văn hóa dân tộc và hệ sinh thái nông nghiệp bản địa. Phát triển du lịch, dịch vụ có lợi thế, khai thác du lịch về nguồn, phát huy bản sắc địa phương. Khuyến khích hình thành các khu nghỉ dưỡng núi kết hợp trị liệu, dưỡng lão tại Trùng Khánh, Nguyên Bình, Phục Hòa; xây dựng thương hiệu “Cao Bằng xanh - bản sắc - an lành”. Hoàn thành quy hoạch và xúc tiến hợp tác đầu tư xây dựng Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc) trở thành khu du lịch trọng điểm, kiểu mẫu về du lịch qua biên giới.

1.5. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, kết nối vùng và liên kết quốc tế, gắn với định hình không gian phát triển theo trục động lực. Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 bảo đảm đồng bộ với quy hoạch vùng, quốc gia và định hướng phát triển tỉnh, tích hợp giữa tăng trưởng, sinh thái, bản sắc. Rà soát, hoàn thiện quy hoạch phường, xã theo mô

hình chính quyền địa phương hai cấp; ưu tiên hạ tầng chiến lược như cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh, logistics, đặc biệt tuyến Đồng Đăng - Trà Lĩnh, Bắc Kạn - Cao Bằng và các tuyến kết nối trung tâm, cửa khẩu quốc tế, khu di tích quốc gia đặc biệt và Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc). Hình thành hành lang kinh tế dọc cao tốc và đường Hồ Chí Minh; hoàn thiện không gian phát triển “một vành đai biên giới - hai hành lang kinh tế - ba vùng phát triển - bốn trung tâm động lực”, gắn kết kinh tế, quốc phòng, an ninh và đô thị hóa bền vững. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng môi trường, hạ tầng đô thị.

1.6. Đẩy mạnh quản lý thu - chi ngân sách chặt chẽ, hiệu quả, phát triển tín dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh kế vùng khó. Nâng cao hiệu quả thu ngân sách nội địa từ đất đai, khoáng sản, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và dịch vụ đô thị để chủ động nguồn lực cho các dự án trọng điểm. Xử lý nợ thuế, khai thác quỹ đất qua đấu giá minh bạch. Cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng tăng đầu tư, giảm chi thường xuyên. Phát triển thị trường tín dụng, tài chính phục vụ sản xuất, sinh kế nông thôn; khuyến khích triển khai sản phẩm tín dụng xanh, vi mô. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong tài chính - ngân hàng, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, phát triển ngân hàng số.

1.7. Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh cạnh tranh, minh bạch và nâng cao vai trò động lực của kinh tế tư nhân. Tập trung cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; xác định kinh tế tư nhân là động lực tăng trưởng chính của địa phương. Nâng cao chất lượng cán

bộ, kỹ thuật, công nhân và đào tạo kỹ năng hội nhập, kỹ năng số, kỹ năng quản trị doanh nghiệp cho doanh nhân. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển hệ thống dữ liệu số hỗ trợ doanh nghiệp. Thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, tạo giá trị lan tỏa. Hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo theo hướng bản địa hóa; hoàn thiện chính sách khuyến khích đầu tư phù hợp vùng biên giới, miền núi.

1.8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Hoàn thành đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn tỉnh; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tập trung, đồng bộ, hiện đại. Phát triển khai thác khoáng sản có chọn lọc, nghiêm cấm hoạt động khoáng sản trong phạm vi khoanh vùng bảo vệ của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng. Triển khai giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai, nâng cấp cảnh báo sớm, di dời dân khỏi vùng nguy hiểm, ổn định sinh kế. Bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn; thí điểm thị trường tín chỉ các-bon rừng gắn tăng trưởng xanh và nguồn thu bền vững cho vùng cao.

2. Văn hoá - xã hội: Gồm 05 nhóm nhiệm vụ và giải pháp.

2.1. Tập trung phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống cho học sinh; bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục.

Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá theo năng lực. Phát triển giáo dục STEM, kỹ năng số, ngoại ngữ, tư duy khởi nghiệp; đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nhân lực phù hợp thị trường và nhu cầu tỉnh. Xây dựng chương trình giáo dục địa phương phù hợp với thực tiễn. Nâng cao chất lượng phổ cập, xoá mù chữ. Đầu tư cơ sở vật chất, ưu tiên trường dân tộc bán trú, nội trú tại các xã biên giới, vùng sâu, vùng xa. Tăng cường hợp tác quốc tế, thu hút các tổ chức giáo dục uy tín tham gia đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao.

2.2. Tăng cường đầu tư văn hóa, báo chí, thể thao, bảo tồn bản sắc dân tộc. Phát huy thế mạnh di sản văn hóa và bản sắc cộng đồng, tập trung phát triển văn hóa thành động lực nội sinh cho phát triển bền vững. Tiếp tục đầu tư đồng bộ thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; xây dựng trung tâm sinh hoạt cộng đồng gắn bảo tồn di sản dân tộc thiểu số. Xây dựng lĩnh vực báo chí, xuất bản, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại. Thực hiện nghiêm cam kết với UNESCO đối với Công viên địa chất toàn cầu và các di sản. Đưa các giá trị văn hóa phi vật thể đặc sắc như hát Then - đàn Tính, nghi lễ dân gian... vào giáo dục học đường, hoạt động văn hóa cộng đồng. Phát triển thể dục thể thao quần chúng, chú trọng môn thể thao dân tộc có tiềm năng thành tích cao.

2.3. Nâng cao năng lực hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Phát triển hệ thống y tế hiện đại, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở. Ưu tiên đầu tư, nâng cấp cơ sở y tế công lập, xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh mới, triển khai Bệnh viện Y học cổ truyền. Hình thành trung

tâm y tế chuyên sâu vùng miền núi, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, giảm tải tuyến trên, bảo đảm tiếp cận dịch vụ y tế công bằng. Nâng cao chất lượng y tế cơ sở, y tế dự phòng, công tác dân số. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khám chữa bệnh từ xa, hồ sơ sức khỏe điện tử, quản lý bệnh không lây nhiễm. Thực hiện hiệu quả khám sức khỏe định kỳ cho nhân dân. Phấn đấu đến năm 2030, bảo hiểm y tế bao phủ 100% dân cư.

2.4. *Đẩy mạnh khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.* Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng số hiện đại, đồng bộ; mở rộng phủ sóng viễn thông, xóa vùng trắng sóng. Xây dựng cơ sở dữ liệu lớn tích hợp, liên thông giữa các lĩnh vực: dân cư, đất đai, tài nguyên, doanh nghiệp, y tế, giáo dục... Phát triển chính quyền số lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; phổ cập công nghệ số, hình thành công dân số, xã hội số. Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; mở rộng thương mại điện tử, thanh toán không tiền mặt. Phát triển kinh tế số phù hợp điều kiện địa phương, ưu tiên ứng dụng trong nông nghiệp, thương mại, du lịch, quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công. Hoàn thiện hạ tầng và nền tảng số dùng chung; nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, doanh nghiệp, người lao động. Hình thành và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp. Tăng cường liên kết với viện, trường, doanh nghiệp công nghệ và hợp tác quốc tế.

2.5. *Thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, dân tộc, tôn giáo, giảm nghèo bền vững và triển khai Bộ Chỉ số Hạnh phúc.* Triển khai đồng bộ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc

thiếu số, miền núi giai đoạn 2026 - 2031; thực hiện hiệu quả an sinh xã hội, ưu tiên chăm lo đối tượng nghèo, giảm hộ nghèo. Đầu tư hạ tầng, hỗ trợ sản xuất, tạo sinh kế, khơi dậy ý chí thoát nghèo. Tiếp tục quan tâm người có công, khuyết tật, trẻ em hoàn cảnh đặc biệt, người cao tuổi; hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát; triển khai mô hình nhà ở cho hộ nghèo, nhà sinh hoạt cộng đồng tại vùng khó khăn. Cùng cố đại đoàn kết toàn dân tộc; nâng cao hiệu quả công tác dân tộc, tôn giáo. Xây dựng và thực hiện Bộ Chỉ số Hạnh phúc phù hợp điều kiện tỉnh, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, hệ thống thu thập dữ liệu, cơ chế công bố, đánh giá định kỳ.

3. Quốc phòng - an ninh, đối ngoại: Gồm 02 nhóm nhiệm vụ, giải pháp.

3.1. Tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, tạo nền tảng phát triển bền vững. Kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh; quy hoạch và phát triển các vành đai, hành lang, cụm động lực kinh tế gắn kết với quốc phòng. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, hoàn thiện cơ chế lãnh đạo và phối hợp giữa các lực lượng. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh; thực hiện tốt công tác tuyển quân, hậu phương quân đội. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn, nhất là ma túy, buôn bán người, buôn lậu, tội phạm công nghệ cao. Xử lý kịp thời vấn đề dân tộc, tôn giáo, an ninh. Thực hiện hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới.

3.2. Mở rộng, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, chủ động hội nhập, thúc đẩy hợp tác kinh tế biên mậu, tạo động lực phát triển mới. Tăng cường hợp tác, hòa bình, hữu nghị với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc và các đối tác quốc tế; làm việc với phía Trung Quốc nâng cấp, mở mới cửa khẩu, lối mở; phát triển hạ tầng logistics, khu kinh tế cửa khẩu, vùng liên kết sản xuất - thương mại biên mậu. Đổi mới truyền thông, quảng bá hình ảnh Cao Bằng gắn với xúc tiến du lịch, giới thiệu tiềm năng, nhất là Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng. Mở rộng hợp tác quốc tế, huy động nguồn lực kiều bào, chuyên gia, doanh nhân tham gia xây dựng tỉnh, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ khởi nghiệp; tranh thủ tối đa các nguồn lực và điều kiện thuận lợi bên ngoài để phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh.

4. Công tác xây dựng Đảng: Gồm 05 nhóm nhiệm vụ, giải pháp

4.1. Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong Nhân dân. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy trong giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống; vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Tiếp tục nghiên cứu, biên soạn và tuyên truyền, giáo dục lịch sử đảng, lịch sử truyền thống địa phương. Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thực chất, gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, góp phần hình thành hệ giá trị chuẩn mực của cán bộ, đảng viên

trong giai đoạn mới. Tăng cường vai trò nêu gương của cấp uỷ, người đứng đầu; đổi mới học tập lý luận, quán triệt nghị quyết linh hoạt, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số. Chủ động đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác quan điểm sai trái, thù địch; định hướng dư luận, củng cố niềm tin trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

4.2. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên và hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng, hoàn thiện cơ chế vận hành hệ thống chính trị địa phương theo mô hình mới; đẩy mạnh chuyên đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo gắn với cải cách hành chính trong hoạt động của Đảng và hệ thống chính trị; xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đặc biệt chú trọng cán bộ cơ sở, cán bộ người dân tộc thiểu số, vùng biên giới. Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, toàn diện; nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng; đổi mới sinh hoạt chi bộ thiết thực, hiệu quả. Phát triển đảng viên có chọn lọc, nâng cao chất lượng chính trị, tư tưởng, đạo đức của đội ngũ đảng viên, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới.

4.3. Tăng cường kiểm tra, giám sát, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Xác lập rõ vai trò lãnh đạo của cấp uỷ trong công tác kiểm tra, giám sát; thực hiện thống nhất giữa kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử. Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát theo phương châm “giám sát rộng, kiểm tra tập trung” vào lĩnh vực nhạy cảm, dễ vi phạm. Nâng cao chất lượng giám sát thường xuyên; phát hiện, xử lý vi phạm sớm từ sớm, từ xa; xử lý nghiêm minh với tổ chức đảng, đảng viên vi

phạm. các tổ chức đảng có biểu hiện mất đoàn kết, dư luận xã hội quan tâm. Kiện toàn bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra; đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động ngành kiểm tra Đảng.

4.4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận trong tình hình mới. Đổi mới nội dung, phương thức công tác dân vận theo hướng gần dân, trọng dân, vì dân. Tập trung vào các lĩnh vực khó, phức tạp như: Xây dựng xã hội số, kinh tế số, cải thiện năng lực cạnh tranh, giải phóng mặt bằng, xóa bỏ tư tưởng mặc cảm, yếu thế, ỷ lại; khơi dậy ý chí vươn lên đối với hộ nghèo, đồng bào vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn. Thực hiện tốt quy chế dân vận; phát huy dân chủ cơ sở, tăng cường đối thoại, giải quyết kịp thời kiến nghị của Nhân dân. Đẩy mạnh dân vận vùng dân tộc thiểu số, tôn giáo. Phát huy phong trào “Dân vận khéo” gắn với học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các phong trào thi đua yêu nước.

4.5. Tăng cường công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tiếp tục cải cách tư pháp. Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trong lĩnh vực nội chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền trong tiếp công dân, xử lý đơn thư, khiếu nại, tố cáo. Tiếp tục cải cách tư pháp; rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ và quan hệ công tác giữa các cơ quan tư pháp, cơ quan quyền lực, hành chính nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật trong các hoạt động thanh tra, điều tra, truy tố,

xét xử, thi hành án, công tác giám định, định giá tài sản trong tố tụng hình sự. Tăng cường giáo dục liêm chính, xây dựng văn hóa tiết kiệm, văn hóa nêu gương trong cán bộ, đảng viên.

5. Hoạt động của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Gồm 02 nhóm nhiệm vụ, giải pháp.

5.1. Tiếp tục đổi mới phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân và hiệu quả quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp. Nâng cao tính phản biện, giám sát trong chất vấn, trả lời chất vấn; nâng cao chất lượng các kỳ họp, tiếp xúc cử tri; đổi mới phương thức xây dựng, ban hành nghị quyết HĐND. Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; kiện toàn bộ máy HĐND, UBND các cấp tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chính quyền số, chính quyền kiến tạo, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn; chăm lo xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là ở cấp cơ sở. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường trách nhiệm người đứng đầu; nâng cao hiệu quả phối hợp và điều hành. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với bảo đảm nguồn lực, tài chính, tạo điều kiện đề cấp dưới chủ động thực thi nhiệm vụ, phát huy tính tự chủ, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm.

5.2. Đổi mới, đa dạng hóa phương thức hoạt động, phát huy có hiệu quả vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các

tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng trong xây dựng Đảng, chính quyền, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh. Phát huy vai trò nòng cốt của các tổ chức đoàn thể trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền. Tăng cường vai trò công đoàn trong bảo vệ quyền lợi người lao động; phát huy vai trò nòng cốt của nông dân trong phong trào sản xuất, kinh doanh giỏi, giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới. Chú trọng giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh thiếu niên; tạo môi trường để học tập, rèn luyện, cống hiến và trưởng thành. Thực hiện bình đẳng giới, phát huy vai trò phụ nữ trong các lĩnh vực. Phát huy vai trò, uy tín của hội viên cựu chiến binh trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giữ vững ổn định cơ sở. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ chủ động lựa chọn nhiệm vụ, nội dung đột phá; tăng cường giám sát, phản biện xã hội, làm cầu nối giữa Đảng, chính quyền và Nhân dân.

Với tinh thần “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển”, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng sẽ tiếp tục phát huy truyền thống quê hương cách mạng, ý chí tự lực, tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030, xây dựng tỉnh Cao Bằng phát triển nhanh, bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân, góp phần cùng cả nước vững bước trên con đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	1
Phần thứ nhất: Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025	3
Phần thứ hai: Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nhiệm kỳ 2025 - 2030	20

Chịu trách nhiệm xuất bản

NÔNG THANH TÙNG

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ
Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ

Chịu trách nhiệm nội dung

TRIỆU THỊ THU TRANG

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ

Biên tập nội dung

ĐINH THỊ NHẬT

Phó Trưởng phòng Lý luận chính trị,
Lịch sử Đảng

HOÀNG MAI TRINH

Phó Trưởng phòng Lý luận chính trị,
Lịch sử Đảng

Trình bày bìa

HOÀNG MAI TRINH

Sửa bản in

HOÀNG MAI TRINH

In 7.500 cuốn, khổ 14 x 20cm, tại Chi nhánh Công ty TNHH
Xây dựng và Thương mại Ngọc Hưng tại Cao Bằng, số nhà
055, phố Bế Văn Đàn, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng.
Giấy phép xuất bản số: 37/GP-SVHTTDL ngày 06/10/2025
do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng cấp.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2025.

